

Số: 17/2024/QĐST-DS

Thạch Thành, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 58/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: D- 45 Đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Lê Minh Đ** - chức vụ: Giám đốc **T1**.

Địa chỉ: lô A- B P, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông **Lê Minh Đ**: Ông **Nguyễn Trung C**.

Địa chỉ: lô A - B P, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** - Anh **Hoàng Văn Q**, sinh năm: 1982

- Chị **Đinh Thị H**; sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Khu B, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa

(Chị **Đinh Thị H** uỷ quyền cho anh **Q**).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: **Ngân hàng TMCP P** và vợ chồng anh **Hoàng Văn Q**, chị **Đinh Thị H** thống nhất thoả thuận đến ngày 09/9/2024 vợ chồng anh **Q**, chị **H** còn nợ **Ngân hàng TMCP P** số tiền là **3.961.081.340 đồng** (Ba tỷ chín trăm sáu mươi một triệu không trăm tám mươi một nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

2.2. Về thời hạn trả nợ: **Ngân hàng TMCP P** và vợ chồng anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H** thống nhất thoả thuận anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H** sẽ trả nợ như sau:

+ Lần 1: Đến ngày 30/9/2024, vợ chồng anh **Q**, chị **H** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Lần 2: Đến ngày 30/10/2024, vợ chồng anh **Q**, chị **H** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Lần 3: Đến ngày 30/11/2024, vợ chồng anh **Q**, chị **H** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Lần 4: Đến ngày 30/12/2024, vợ chồng anh **Q**, chị **H** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Lần 5: Đến ngày 30/01/2025, vợ chồng anh **Q**, chị **H** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn lại và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2024.

Trường hợp vợ chồng anh **Q**, chị **H** vi phạm thời hạn trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 319/2020/BĐ-CN ngày 26/08/2020, Hợp đồng bảo đảm số 240/2022/BĐ-CN ngày 17/05/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung 319.01/2020/SĐBS-HĐBĐ ngày 14/12/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung 319.02/2020/SĐBS-HĐBĐ ngày 25/01/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung 319.03/2020/SĐBS-HĐBĐ ngày 06/11/2023. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau:

+ **Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BO 876046 số vào sổ cấp GCN: CH 00306 do Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp ngày 24/06/2013. Địa chỉ **Khu phố B, thị trấn K, huyện T, Tỉnh Thanh Hóa**. Chủ sở hữu anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H**.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DA 061724 số vào sổ cấp GCN: CS02968 do **Sở T2** cấp ngày 10/05/2021. Địa chỉ **Khu phố B, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Chủ sở hữu anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H**.

Trường hợp tài sản thế chấp của anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H** không đủ để trả nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh, kê biên phát mại tài sản khác của anh **Q** và chị **H** để trả nợ cho **Ngân hàng TMCP P**.

Trường hợp anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H** tất toán toàn bộ khoản nợ trên thì **Ngân hàng TMCP P** phải trả lại toàn bộ giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp cho anh **Q** và chị **H**.

2.3. *Về án phí:* **Ngân hàng TMCP P** và vợ chồng anh **Hoàng Văn Q** và chị **Đinh Thị H** thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng anh **Q** và chị **H** chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 55.611.000 đồng (Năm mươi lăm triệu sáu trăm mười một nghìn đồng). Trả lại cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền đã nộp là 54.799.000 đồng (*Năm mươi tư triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002356 ngày 29/7/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn